

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 154/2023/DS-PT

Ngày: 10-4-2023

V/v Tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vạng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tăng;
Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương
Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Vũ Thị Thu
Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử
phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLPT-DS ngày 09 tháng 02 năm
2023 về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022
của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 469/2022/QĐ-PT
ngày 27 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần T**, sinh năm 1957. (Có mặt)

Nơi đăng ký thường trú: **Số B, đường L, Tổ C, khóm M, phường M,
thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.**

Nơi ở hiện tại: **Số B, Khóm D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.**

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Ú**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số D, khóm T, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1999, địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (văn bản ủy quyền ngày 18/02/2023). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ú: Luật sư Lê Văn L - Văn phòng Luật sư Phạm Minh T1 - Chi nhánh T2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ; Địa chỉ: Số A, đường L, Khóm C, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Ú là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Trần T trình bày: Ngày 23/01/2019, ông Trần T có cho bà Nguyễn Thị Ú vay số tiền 300.000.000 đồng để bà Ú đáo hạn Ngân hàng, khi cho vay có lập biên nhận vay tiền ngày 23/01/2019, bà Ú có ký tên vào biên nhận. Lãi suất thỏa thuận là 03%/tháng, nhưng do bà Ú hứa hẹn sau 01 tuần thì sẽ trả tiền vốn và lãi nên không ghi phần lãi suất thỏa thuận vào biên nhận.

Khi đến hạn trả tiền thì bà Ú vẫn không trả tiền vốn và lãi, ông Trần T nhiều lần tìm gặp bà Ú để hối thúc nhưng bà Ú vẫn không trả lãi và vốn cho ông Trần Thạch .

Nay, ông Trần T yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú trả số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 23/01/2019 đến ngày 23/9/2022 là: $300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 44 \text{ tháng} = 109.560.000 \text{ đồng}$, tổng cộng 409.560.000 đồng.

- Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn là bà Nguyễn Ú vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật nhưng bà Ú không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 79/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thạch

Buộc bà **Nguyễn Thị Ú** trả cho ông **Trần T** số tiền vốn vay 300.000.000 đồng, tiền lãi 109.560.000 đồng, tổng cộng là 409.560.000 đồng. (Bốn trăm lẻ chín triệu, năm trăm sáu mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông **T**; mà bà **Ú** chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả cho ông **T**, thì hàng tháng bà **Ú** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành án xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí giám định, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bà **Nguyễn Thị Ú** kháng cáo không đồng ý theo quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Ông **Trần T** trình bày: Ông Thạch giữ nguyên việc khởi kiện không thỏa thuận được với bà **Ú** về giải quyết vụ án.

+ Chị **Nguyễn Thị N** trình bày: Bà **Ú** không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bà **Ú** biết để tham gia tố tụng. Vì bà **Ú** đi làm ăn không thường xuyên ở nhà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến xét xử tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Ông **T** cho bà **Ú** vay 300.000.000 đồng thể hiện biên nhận 23/01/2019 và tại Kết luận giám định số 893/KL-KTHS ngày 29/9/2022 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**, xác định chữ ký, chữ viết họ tên **Nguyễn Thị Ú** trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đúng tên **Nguyễn Thị Ú** trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết, ký ra. Vì vậy ông **T** khởi kiện yêu cầu bà **Ú** trả tiền vay là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị **N** cung cấp giấy chuyển tiền và ông **T** thừa nhận đã nhận lần thứ nhất vào ngày 24/4/2019 là 9.000.000 đồng, lần thứ hai 25/11/2019 18.000.000 đồng. Ông **T** đồng ý khấu

trừ vào tiền lãi theo quy định là phù hợp. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà **Ú**, sửa một phần bản án sơ thẩm về tiền lãi.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Trần Thạch khởi k** bà **Nguyễn Thị Ú** về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Thủ tục kháng cáo của bà **Ú** trong thời hạn nên chấp nhận. Bà **Ú** ủy quyền cho chị **Nguyễn Thị N** tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đúng quy định nên chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bà **Ú** nhưng bà **Ú** không đến Tòa án theo giấy triệu tập, nên đã xét xử sơ thẩm vắng mặt bà **Ú** là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Theo ông **T** trình bày là có cho bà **Ú** vay tiền và bà **Ú** làm biên nhận ngày 23/01/2019 nhận tiền của ông **T** 300.000.000 đồng. Việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay, mục đích vay nhưng không ghi vào biên nhận. Ông **T** yêu cầu bà **Ú** trả nợ vay nhưng do bà **Ú** không trả nên ông **T** khởi kiện yêu cầu bà **Ú** phải trả số tiền 300.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 23/9/2019 đến ngày 23/9/2022. Theo Kết luận giám định số 893/KL-KTHS ngày 29/9/2022 của **Phòng K Công an tỉnh Đ**, xác định chữ ký, chữ viết họ tên **Nguyễn Thị Ú** trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đúng tên **Nguyễn Thị Ú** trên các tài liệu mẫu là do cùng một người viết, ký ra. Vì vậy biên nhận ngày 23/01/2019 là căn cứ chứng minh bà **Ú** đã nhận tiền vay của ông **T** 300.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa chị **N** cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà **Ú** có chuyển khoản cho ông **T** hai lần gồm: Lần thứ nhất vào ngày 24/4/2019, số tiền 9.000.000 đồng; lần thứ hai vào ngày 25/11/2019 số tiền 18.000.000 đồng và ông **T** thừa nhận có nhận tiền như chị **N** trình bày. Nay ông **T** và chị **N** thống nhất trừ số tiền này vào tiền lãi theo quy định. Cụ thể như sau:

Tính lãi từ ngày 23/01/2019 đến ngày 24/4/2019: 300.000.000 đồng x 0,83% x 3 tháng = 7.470.000 đồng, sau khi khấu trừ thì vốn gốc còn lại 298.470.000 đồng.

Tính lãi từ ngày 25/4/2019 đến ngày 25/11/2019 : 298.470.000 đồng x 0,83% x 07 tháng = 17.341.107 đồng, sau khi khấu trừ thì vốn gốc còn lại 297.811.107 đồng.

Tính lãi từ ngày 26/4/2019 đến ngày 29/9/2022 đối với số tiền 297.811.107 đồng, lãi suất 0,83%/tháng, thành tiền 84.289.471 đồng.

Vậy tổng cộng vốn lãi phải trả là 297.811.107 đồng + 84.289.471 đồng = 382.100.578 đồng, nên kháng cáo của bà **Ú** là có một phần cơ sở.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà **Ú**, sửa một phần bản án sơ thẩm là có cơ sở nên chấp nhận.

Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bà **Ú**, sửa một phần bản án sơ thẩm. Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[5] Án phí:

Bà **Ú** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 19.105.028 đồng. không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Ông **T** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.372.971 đồng, nhưng được miễn do là người cao tuổi và có đơn xin miễn giảm tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, 39, 92, 147, 148, 227, 228, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà **Nguyễn Thị Út .1**

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông **Trần T** về việc yêu cầu bà **Nguyễn Thị Ú** trả nợ vay.

Buộc bà **Nguyễn Thị Ú** phải trả cho ông **Trần T** số tiền 382.100.578 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông **T** mà bà **Ú** chưa thi hành xong, thì hàng tháng bà **Ú** còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí:

Bà **Nguyễn Thị Ú** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm số tiền 19.105.028 đồng. Không phải chịu tiền án án phí dân sự phúc thẩm. Tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001179 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Vậy còn phải nộp tiếp số tiền là 18.805.028 đồng.

Ông **T** được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí giám định: Bà **Nguyễn Thị Ú** phải chịu chi phí giám định 13.680.000 đồng. Do ông **T** đã tạm ứng và chi xong nên bà **Ú** phải trả lại cho ông **T** 13.680.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi cục THADS thành phố Sa Đéc;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Vạng